

Bản án số: 39/2018/HSST.

Ngày: 17-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lò Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân nhân:

1. Ông Đặng Xuân Tư

2. Ông Lường Văn Duôi

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Lò Văn Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2017/HSST ngày 29 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Lường Văn D; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1990 tại xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản TN, xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn Y, sinh năm 1957 và bà Cà Thị L, sinh năm 1962; Bị cáo chưa có vợ, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam ngày 30/9/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông: Lường Văn Y 60 tuổi, trú tại Bản TN xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 30/9/2017 Lường Văn D điều khiển 01 chiếc xe mô tô, BKS: 26F9 - 6694, sơn màu trắng, xanh từ nhà ở Bản TN, xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La xuống Bản Th, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La để tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến nơi D đã gặp và hỏi mua được của một người phụ nữ dân tộc Thái (D không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể) được 01 gói Hêrôin gói bằng nilon màu hồng

với giá 100.000đ. Mua được Hêrôin xong, D cầm gói Hêrôin ở bên tay trái rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Trên đường tới khu vực ngã ba bản NQ thì bị tổ công tác Công an huyện TC yêu cầu dừng xe và kiểm tra ma túy. Do sợ bị bắt, D đã thả gói ma túy từ trên tay phải xuống mặt đường nhựa, nhưng vẫn bị tổ công tác phát hiện, thu giữ cùng tang vật. Sau đó tổ công tác đã dẫn giải Lường Văn D về trụ sở UBND xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi nêu trên. (BL 33 - 45 HS).

Vật chứng thu giữ gồm: 01 gói nilon màu hồng bên trong có chứa bột cục màu trắng nghi là Hêrôin (theo Lường Văn D khai là Hêrôin); và 01 chiếc xe mô tô BKS: 26F9 - 6694, màu sơn trắng, xanh, không xác định được nhãn hiệu, loại xe, số khung, số máy, xe đã qua sử dụng. (BL 01 - 02 HS).

Hồi 13 giờ 40 phút ngày 30/9/2017 Công an huyện TC phối hợp với phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành bóc mở niêm phong cân tịnh số bột màu trắng thu giữ của Lường Văn D và xác định được trọng lượng là 0,28 gam rút 0,05 gam ký hiệu D1 gửi phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La để giám định chất ma túy, còn lại 0,23 gam ký hiệu D2 nhập kho vật chứng (BL 23 HS).

Tại kết luận giám định số 925/KLMT ngày 05/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu D1 là chất ma túy, loại chất Hêrôin, trọng lượng của mẫu vật gửi giám định là 0,05 gam. Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được của Lường Văn D là 0,28 gam loại chất Hêrôin. (BL 25 HS).

Tại bản cáo trạng số 07/KSĐT ngày 27/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La đề nghị truy tố bị can Lường Văn D về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lường Văn D về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lường Văn D phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Lường Văn D mức án tù từ 15 đến 20 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 30/9/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS năm 1999.

Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên:

Tiêu hủy 0,23 gam (không phải hai ba gam) chất bột Hêrôin ký hiệu D2 được niêm phong trong phong bì thư.

Trả cho người quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông: Lường Văn Y: 01 chiếc xe mô tô BKS: 26F9 - 6694, màu sơn trắng, xanh, không xác định được nhãn hiệu, loại xe, số khung, số máy, xe đã qua sử dụng.

Bị cáo Lương Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, lời khai, lời trình bày ý kiến của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án như: biên bản hỏi cung bị can; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ, niêm phong, mở niêm phong vật chứng của vụ án để lấy mẫu giám định; kết luận giám định.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lương Văn D: Nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay bị cáo đã thực sự nhận ra lỗi lầm, bị cáo rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng, bị cáo xin được miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TC, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La. Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với việc xét xử của Tòa án, hiện nay Bộ luật hình sự sửa đổi năm 2015 và Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã có hiệu lực pháp luật. Nhưng hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước thời điểm BLHS năm 2015 có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng đồng thời Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo.

[2] Xét hành vi tàng trữ trái phép 0,28 gam loại chất Hêrôin của bị cáo Lương Văn D nhằm mục đích sử dụng cho bản thân là vi phạm pháp luật. Bởi bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 như quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC.

Tại Điều 194 BLHS 1999 quy định:

“ 1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 đối với bị cáo Quảng Văn Hùng để xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo, tạo cơ hội cho bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại Điều 249 BLHS 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy và là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Do đó cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 có mức hình phạt từ 01 đến 05 năm để xét xử đối với bị cáo Lương Văn D.

[4] Xét nhân thân bị cáo là người được coi chưa có: tiền án, tiền sự, nhưng trước đó bị cáo đã 03 lần bị kết án: Năm 2009 bị TAND huyện TC xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Năm 2011 bị TAND huyện TC xử phạt 10 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản; Năm 2013 bị TAND huyện TC xử phạt 27 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Tuy đã được xóa án tích nhưng vẫn bị xem là người có nhân thân xấu. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn phạm tội nên cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh với tệ nạn ma túy. Cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tàng trữ lượng ma túy không lớn, mục đích chỉ để sử dụng cho bản thân; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

[6] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự 1999.

[7] Đối với hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS. Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Vật chứng vụ án:

- Đối với: Chất ma túy, loại chất Hêrôin có trọng lượng 0,23 gam ký hiệu D2 được niêm phong trong phong bì thư là vật nhà nước cấm và một phong bì đã được niêm phong, mặt trước có ghi: “ Hoàn lại mẫu giám định vụ Lường Văn D - Tàng trữ trái phép chất ma túy, ký hiệu D1+ 0,04 gam”, không có giá trị sử dụng. Nên áp dụng Điều 106 BLTTHS năm 2015, để tuyên tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS: 26F9 - 6694, màu sơn trắng, xanh, không xác định được nhãn hiệu, loại xe, số khung, số máy, xe đã qua sử dụng theo tài liệu có trong hồ sơ và lời khai, lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay, xác định được chiếc xe mô tô trên là của ông Lường Văn Yêu, bị cáo mượn và dùng làm phương tiện phạm tội ông Yêu không biết nên cần áp dụng khoản 2 Điều 41 BLHS năm 1999 tuyên trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[9] Về nguồn gốc Hêrôin theo Lường Văn D khai là mua của một người phụ nữ dân tộc Thái (D không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể) với giá 100.000đ. Tuy nhiên, chỉ có một lời khai duy nhất của D, ngoài ra không có chứng cứ nào khác. Tại phiên tòa bị cáo cũng không cung cấp được chứng cứ mới. Do vậy không có sở yêu cầu Cơ quan CSĐT Công an huyện TC xác minh, làm rõ.

[10] Bị cáo đang bị tạm giam, cần tiếp tục giam giữ bị cáo trong hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo đến phần liên quan tới quyền lợi của mình, theo quy định tại các Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lường Văn D phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Lường Văn D: 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 30/9/2017 (là ngày bắt giữ bị cáo).

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999 và Điều 106 BLTTHS năm 2015 tuyên:

- Tiêu hủy:

+) Chất ma túy, loại chất Hêrôin có trọng lượng 0,23 gam ký hiệu D2 được niêm phong trong phong bì thư.

+) Một phong bì đã được niêm phong, mặt trước có ghi: “ Hoàn lại mẫu giám định vụ Lường Văn D – Tàng trữ trái phép chất ma túy, ký hiệu D1+ 0,04 gam”.

- Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lường Văn Y 01 chiếc xe mô tô BKS: 26F9 - 6694, màu sơn trắng, xanh, không xác định được nhãn hiệu, loại xe, số khung, số máy, xe đã qua sử dụng

4. Án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lường Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015: Báo cho bị cáo Lường Văn D được quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo một phần quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La
- CA huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã CL, H. TC;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Văn Nghĩa